

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22THD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: D.T.1.114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký     | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|------------|--------------|--------|
| 1   | 114322047 | Trần Thị Thùy Linh   | 14/06/2003 | Nữ   | 7.5    | 6,8     | 7,2      | 005          | <i>LL</i>  |              |        |
| 2   | 114322051 | Trương Ngọc Mai      | 02/10/2004 | Nữ   | —      | —       | —        | —            | —          |              |        |
| 3   | 114322053 | Trịnh Thị Tiểu My    | 29/12/2004 | Nữ   | 7.5    | 4,0     | 5,8      | 007          | <i>CK</i>  |              |        |
| 4   | 114322055 | Mai Hoàng Nam        | 15/02/2004 | Nam  | 8.5    | 6,5     | 7,5      | 008          | <i>Any</i> |              |        |
| 5   | 114322060 | Lê Hồng Nghi         | 13/11/2004 | Nữ   | 8.5    | 4,0     | 6,3      | 009          | <i>Chợ</i> |              |        |
| 6   | 114322062 | Huỳnh Thị Yến Ngoan  | 28/09/2004 | Nữ   | 9.3    | 3,8     | 6,6      | 010          | <i>Any</i> |              |        |
| 7   | 114322063 | Huỳnh Bảo Ngọc       | 11/05/2004 | Nữ   | 8.0    | 5,8     | 6,9      | 011          | <i>Any</i> |              |        |
| 8   | 114322074 | Dương Thị Huỳnh Như  | 09/01/2004 | Nữ   | 8.5    | 6,0     | 7,3      | 012          | <i>Any</i> |              |        |
| 9   | 114322076 | Huỳnh Thị Quỳnh Như  | 09/10/2004 | Nữ   | 9.8    | 7,3     | 8,6      | 013          | <i>Any</i> |              |        |
| 10  | 114322079 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | 10/11/2004 | Nữ   | 8.0    | 3,8     | 5,9      | 014          | <i>Any</i> |              |        |
| 11  | 114322083 | Trần Thảo Như        | 20/03/2004 | Nữ   | 9.3    | 5,3     | 7,3      | 015          | <i>Any</i> |              |        |
| 12  | 114322085 | Sơn Kiều Oanh        | 27/02/2004 | Nữ   | 8.5    | 4,5     | 6,5      | 016          | <i>Any</i> |              |        |
| 13  | 114322093 | Thạch Đa Rô          | 16/04/2004 | Nam  | 10.0   | 5,8     | 7,9      | 017          | <i>Any</i> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Thu Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22THE

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT / 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh | Phái       | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đổi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------|-----------|------------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 114322020 | Âu Thị Ngọc       | Hân       | 12/02/2004 | Nữ     | 9.0     | 5.3      | 7.2          | 001    | Hân          |        |
| 2   | 114322035 | Nguyễn Duy        | Khan      | 31/01/2004 | Nam    | 8.8     | 5.8      | 7.3          | 002    | Thao         |        |
| 3   | 114322101 | Nguyễn Văn        | Thắng     | 02/11/2004 | Nam    | 9.5     | 5.8      | 7.7          | 003    | Thao         |        |
| 4   | 114322106 | Thạch Trang Thanh | Thào      | 03/04/2004 | Nữ     | 9.8     | 3.8      | 7.8          | 004    | Thao         |        |
| 5   | 114322109 | Hồ Thị Anh        | Thư       | 16/11/2004 | Nữ     | 8.3     | 4.0      | 6.2          | 005    | Thư          |        |
| 6   | 114322111 | Huỳnh Anh         | Thư       | 28/02/2004 | Nữ     | 9.5     | 6.0      | 7.8          | 006    | Thư          |        |
| 7   | 114322112 | Lư Thị Minh       | Thư       | 15/11/2004 | Nữ     | 10.0    | 6.0      | 8.0          | 007    | Thư          |        |
| 8   | 114322113 | Ngô Huỳnh Anh     | Thư       | 04/11/2004 | Nữ     | 9.3     | 6.3      | 7.8          | 008    | Thư          |        |
| 9   | 114322114 | Nguyễn Thị Minh   | Thư       | 28/01/2004 | Nữ     | 9.3     | 5.5      | 7.4          | 009    | Thư          |        |
| 10  | 114322118 | Võ Minh           | Thư       | 10/03/2004 | Nữ     | 10.0    | 5.0      | 7.5          | 010    | Thư          |        |
| 11  | 114322120 | Đặng Thị Bích     | Trâm      | 21/07/2004 | Nữ     | 10.0    | 5.5      | 7.8          | 011    | Trâm         |        |
| 12  | 114322121 | Huỳnh Thị Mai     | Trâm      | 10/12/2004 | Nữ     | 9.5     | 6.0      | 7.8          | 012    | Trâm         |        |
| 13  | 114322125 | Nguyễn Thị Huế    | Trân      | 01/01/2004 | Nữ     | 8.5     | 5.0      | 6.8          | 013    | Trân         |        |
| 14  | 114322126 | Phạm Nguyễn Hồng  | Trân      | 12/04/2004 | Nữ     | 9.5     | 6.5      | 8.0          | 014    | Trân         |        |
| 15  | 114322128 | Trần Thị Huyền    | Trân      | 05/07/2004 | Nữ     | 9.0     | 5.8      | 7.4          | 015    | Trân         |        |
| 16  | 114322129 | Hồ Thị Huyền      | Trang     | 18/01/2004 | Nữ     | 8.8     | 4.3      | 6.6          | 016    | Trang        |        |
| 17  | 114322130 | Lê Thụy Diễm      | Trinh     | 20/04/2004 | Nữ     | 9.5     | 5.8      | 7.7          | 017    | Trinh        |        |
| 18  | 114322131 | Trần Ngọc         | Trinh     | 24/11/2003 | Nữ     | 8.5     | 5.3      | 6.9          | 018    | Trinh        |        |
| 19  | 114322133 | Lý Ngọc Thanh     | Trúc      | 30/12/2004 | Nữ     | 8.5     | 6.0      | 7.3          | 019    | Trúc         |        |
| 20  | 114322134 | Nguyễn Thanh      | Trúc      | 10/01/2004 | Nữ     | 8.5     | 6.0      | 7.3          | 020    | Trúc         |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: trên mức

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Khôi

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Leul Cao Đức ng phung lan

Cán bộ kiểm tra: luc

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

23/1

D81.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22THE

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV        | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|---------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 114322137 | Đoàn Lê Uyên        | 09/04/2003 | Nữ   | 10.0   | 4.5     | 7.3      | 010          |        |              |        |
| 2   | 114322138 | Mai Thị Tố Uyên     | 10/02/2004 | Nữ   | 9.0    | 5.3     | 7.2      | 011          |        |              |        |
| 3   | 114322139 | Nguyễn Tố Văn       | 27/02/2004 | Nữ   | 9.0    | 4.5     | 6.8      | 012          |        |              |        |
| 4   | 114322140 | Phan Ngọc Tường Vi  | 10/05/2004 | Nữ   | 9.8    | 4.3     | 7.1      | 013          |        |              |        |
| 5   | 114322141 | Cao Nguyễn Tường Vy | 17/01/2004 | Nữ   | 8.5    | 4.8     | 6.7      | 014          |        |              |        |
| 6   | 114322145 | Lê Thị Ngọc Xuyên   | 23/02/2004 | Nữ   | 9.8    | 4.5     | 7.2      | 015          |        |              |        |
| 7   | 114322146 | Trần Thị Hồng Xuyên | 18/04/2004 | Nữ   | 8.0    | 3.8     | 5.9      | 016          |        |              |        |
| 8   | 114322150 | Phạm Ngọc Như Ý     | 20/06/2003 | Nữ   | 9.0    | 3.8     | 6.4      | 017          |        |              |        |
| 9   | 114322152 | Lê Hoàng Phi Yến    | 01/03/2004 | Nữ   | 9.8    | 4.3     | 7.1      | 018          |        |              |        |
| 10  | 114322289 | Trần Thanh Ngân     | 25/10/2004 | Nữ   | 9.5    | 5.0     | 7.3      | 019          |        |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra:

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/CA21MNB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: D11.114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT   | Điểm KT  | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký   | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------|------------|------|----------|----------|----------|--------------|----------|--------------|--------|
| 1   | 214221171 | Thạch Thị Ngọc Mi | 29/07/2002 | Nữ   | <u>/</u> | <u>/</u> | <u>/</u> | <u>/</u>     | <u>/</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22DT

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: DH 114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV  | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký             | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|---------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------------------|--------------|--------|
| 1   | 115222015 | Trần Nhật Duy | 16/04/2004 | Nam  | 10.0   | 7,3     | 8,7      | 018          | <u>trannhatduy</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Đình Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22THA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐH.114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV   |     | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký    | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------|-----|------------|------|--------|---------|----------|--------------|-----------|--------------|--------|
| 1   | 114322179 | Hồ Ngọc        | Hân | 11/09/2004 | Nữ   | 8.5    | 5.5     | 7.0      | 002          | <u>h</u>  |              |        |
| 2   | 114322187 | Thạch Thị Hồng | Hoa | 28/04/2004 | Nữ   | 8.5    | 4.8     | 6.7      | 003          | <u>th</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: .....

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đặng Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: h

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22THB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: DH114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV   | Ngày sinh | Phái       | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đổi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------|-----------|------------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 114322231 | Thạch Thị Hạnh | Nhi       | 14/12/2004 | Nữ     | 10,0    | 5,5      | 7,8          | 004    | <u>nh</u>    |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Luân Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: luân

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22NNAA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
23 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký     | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|------------|--------------|--------|
| 1   | 110422023 | Lâm Phạm Minh Tâm | 07/07/2004 | Nữ   | 8.5    | 5.0     | 6.8      | 001          | <u>TAA</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: .....

Nguyễn Thế Nhân

Cán bộ ghi điểm: Quo Dương phuong lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: lady

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22NNAC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký     | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-----------------|-------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|------------|--------------|--------|
| 1   | 110422066 | Nguyễn Ngọc Đan | Huyền | 19/06/2004 | Nữ   | 8.3    | 4.0     | 6.2      | 002          | <u>hu</u>  |              |        |
| 2   | 110422069 | Võ Thị Thanh    | Liễu  | 02/02/2004 | Nữ   | 8.3    | 4.3     | 6.3      | 003          | <u>li</u>  |              |        |
| 3   | 110422071 | Trần Thanh      | Mai   | 02/07/2004 | Nữ   | 8.3    | 5.5     | 5.9      | 004          | <u>mai</u> |              |        |
| 4   | 110422074 | Lê Nhật         | Minh  | 24/06/2004 | Nam  | 7.5    | 2.5     | 5.0      | 005          | <u>nh</u>  |              |        |
| 5   | 110422077 | Đào Tiên Giáng  | Ngọc  | 30/12/2002 | Nữ   | -      | -       | -        | 007          |            |              |        |
| 6   | 110422085 | Lê Thành        | Nhân  | 18/03/2004 | Nam  | 9.3    | 5.0     | 7.2      | 007          | <u>tn</u>  |              |        |
| 7   | 110422090 | Nguyễn Thiện    | Nhung | 02/04/2004 | Nữ   | -      | -       | -        | -            |            |              |        |
| 8   | 110422141 | Ngô Anh         | Tuấn  | 15/04/2004 | Nam  | 8.0    | 4.0     | 6.0      | 020          | <u>at</u>  |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Minh

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Quê

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (43 - )/DA22NNAD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

23 / 01 / 2024

Phòng thi: D.71.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV    | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký      | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-----------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|-------------|--------------|--------|
| 1   | 110422100 | Danh Nghi Thanh | 03/12/2004 | Nữ   | 8.0    | 3.8     | 5.9      | 009          | <u>Thao</u> |              |        |
| 2   | 110422145 | Huỳnh Thị Hồng  | 08/10/2004 | Nữ   | 9.0    | 6.3     | 7.7      | 021          | <u>Hồng</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Minh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành